TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST Ngày 19 - 7 - 2024 V/v Tranh chấp ly hôn giữa ông H và bà G	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Minh

Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh H, sinh năm 1978 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* Bà Trương Thị G, sinh năm 1979 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2024 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Thanh H trình bày:

Ông và bà Trương Thị G chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, chung sống hạnh phúc khoảng 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ năm 2021. Ông H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên ông H yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị G.

Trong quá trình chung sống giữa ông và bà Trương Thị G có hai người con chung tên là Trần Minh D, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2002 và Trần Minh

T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2005, cả hai người con chung đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông H xác định: về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bà Trương Thị G vắng mặt. Ông Trần Thanh H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Trần Thanh H và nơi cư trú của bà Trương Thị G, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Trương Thị G đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhiều lần nhưng bà Trương Thị G vắng mặt không rõ lý do. Còn ông Trần Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Thanh H, bà Trương Thị G.

[3] Ông Trần Thanh H và bà Trương Thị G đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà G là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông Trần Thanh H và bà Trương Thị G nhưng bà G vắng mặt. Việc bà G vắng mặt thể hiện bà G không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông H. Ông H xác định ông không còn tình cảm với bà G, ông H giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với bà G. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà G đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông Trần Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trương Thị G là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa ông Trần Thanh H và bà Trương Thị G có hai người con chung tên là Trần Minh D, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2002 và Trần Minh T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2005, cả hai người con chung đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Ông Trần Thanh H xác định về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trương Thị G không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh H về việc xin ly hôn với bà Trương Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh H được ly hôn với bà Trương Thị G.

2. Về án phí: Ông Trần Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008793 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Ông Trần Thanh H, bà Trương Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *THA DS huyện Châu Thành;*
- *Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, văn thư.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diệp Song Tiền